



**MASTER OF BUSINESS ADMINISTRATION  
(Bilingual)  
Hanoi Intake 3**

*Chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh  
(Hệ song ngữ)  
Lớp MBA-EV9-HN*

**Subject code (Mã môn học):** BAN 502

**Subject name (Tên môn học):** Quản lý các tổ chức  
trung gian tài chính

**Assignment No. (Tiểu luận số):** Số 01

**Student Name (Họ tên học viên):** Phạm Diệu Thúy

**Student ID No. (Mã số học viên):** E0900093

<b>TÊN KHÓA HỌC: Tích (√) vào ô lựa chọn</b>		<b>HELP</b>	√	
		<b>MBA</b>		

**Họ tên học viên** : Phạm Diệu thúy  
**Lớp** : EV9  
**Môn học** : Quản lý các tổ chức trung gian tài chính  
**Mã môn học** : BAN 502  
**Họ tên giảng viên Việt Nam** : Chu Văn Hùng  
**Tiểu luận số** : 01  
**Hạn nộp** : 04/9/2010  
**Số từ** : 4.366

#### CAM ĐOAN CỦA HỌC VIÊN

Tôi xin khẳng định đã biết và hiểu rõ quy chế thi cử của Đại học HELP và tôi xin cam đoan đã làm bài tập này một cách trung thực và đúng với các quy định đề ra.

Ngày nộp bài: 04/9/2010.....

Chữ ký: Phạm Diệu Thúy

#### LƯU Ý

- Giáo viên có quyền không chấm nếu bài làm không có chữ ký

- Học viên sẽ nhận điểm 0 nếu vi phạm cam đoan trên

### *Lời tựa*

*Tôi xin chân thành cảm ơn thầy giáo Dr Alan Chew Fook Yew đã tận tình giúp đỡ và truyền đạt kiến thức để tôi hoàn thiện tiểu luận này.*

*Đặc biệt, xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy giáo trợ giảng Chu Văn Hùng, đã tận tình chỉ bảo nhiệt tình với những kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm với lĩnh vực quản lý tài chính doanh nghiệp để giúp tôi có thể hoàn thành tốt nhất tiểu luận.*

*Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến tất cả các thầy cô giáo trong Khoa Quốc tế, trường Đại học Quốc gia Hà nội đã tạo điều kiện tốt cho chúng tôi trong quá trình học tập và thực hiện tiểu luận.*

*Cám ơn tất cả các bạn học cùng lớp EV9 đã nhiệt tình chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm để tôi có thể hoàn thành tốt công việc của mình, cảm ơn gia đình đã động viên tôi trong quá trình học tập vừa qua.*

*Mặc dù đã cố gắng hoàn thành tiểu luận với tất cả sự nỗ lực của bản thân, tuy nhiên với thời gian không cho phép, chắc chắn tiểu luận của tôi không tránh khỏi những thiếu sót, kính mong Quý Thầy cô giáo tận tình chỉ bảo. Một lần nữa, xin gửi đến tất cả mọi người lời cảm ơn chân thành nhất.*

*Xin trân trọng cảm ơn.*

# TIỂU LUẬN SỐ 1

## Câu 1:

**1a) Hãy xem xét tất cả các nguồn vốn lưu động ngắn hạn có thể huy động được trên thị trường tài chính. Nêu các tính chất của mỗi nguồn vốn, bao gồm các lợi thế và bất lợi tương ứng:**

Đối với doanh nghiệp, việc quản lý trạng thái thanh khoản liên quan đến việc đảm bảo luôn luôn có đủ vốn lưu động đáp ứng các yêu cầu trong kinh doanh thông qua các hoạt động trên thị trường tài chính là đòi hỏi cấp thiết mà bất kỳ Giám đốc tài chính nào cũng phải quan tâm. Đặc biệt đối với việc huy động vốn ngắn hạn để đáp ứng các yêu cầu hoạt động kinh doanh hàng ngày.

**Nguồn vốn ngắn hạn:** Bao gồm các hình thức sau

**Thấu chi:** vốn lưu động, tài khoản séc, hạn mức tín dụng được rà soát hàng năm

**Đặc điểm:** Thấu chi có tác dụng như tiền mặt, được ngân hàng cấp cho doanh nghiệp với thời gian ngắn hạn từ 6 tháng đến 1 năm.

Một nguồn vốn lưu động là nguồn có được từ khoản thấu chi từ ngân hàng. Thấu chi là hình thức tài trợ vốn thông dụng đối với các doanh nghiệp.

- Thấu chi là công cụ tín dụng mà một ngân hàng đồng ý trước cho doanh nghiệp hưởng khoản tín dụng trên cơ sở dao động, tức là doanh nghiệp tùy nghi ký phát séc trên tài khoản vãng lai vượt quá số dư của tài khoản.

- Mục tiêu ban đầu của phương thức thấu chi là cho phép quản lý thanh khoản và nhu cầu vốn lưu động. Lưu chuyển tiền mặt của doanh nghiệp ít khi khớp đúng kỳ hạn; điều này có nghĩa là vào một lúc nào đó doanh nghiệp sẽ cần tiền để thanh toán các chi phí hoạt động và vào một lúc nào khác doanh nghiệp sẽ thu tiền về nhờ hoạt động bán hàng và dịch vụ.

- Tính chất dao động của khoản tín dụng theo hình thức thấu chi giúp cho việc quản lý hiện tượng lệch kỳ hạn trong lưu chuyển tiền tệ.

- Doanh nghiệp sẽ thỏa thuận hạn mức tín dụng thấu chi tối đa với ngân hàng (ví dụ: ngân hàng cấp cho DN: 50.000 USD trong thời hạn 1 năm với lãi suất cho tài khoản thấu chi theo tình hình thị trường, DN phải thực hiện các nghĩa vụ với NH như trả lãi suất và phải sử dụng hết tiền, trong trường hợp không sử dụng hết trả lại cho ngân hàng theo đồ thị hình SIN). Hạn mức sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của luồng tiền chảy qua doanh nghiệp, nhưng ngân hàng sẽ xem xét danh tiếng, khả năng trả nợ, triển vọng tương lai cũng như năng lực quản lý của doanh nghiệp.

- Mức lãi suất đánh vào số dư nợ theo phương thức thấu chi thường là lãi suất thả nổi dựa vào lãi suất hiện hành trên thị trường. Lãi suất được tính theo số dư nợ hàng ngày, hàng tháng chưa thanh toán. Kèm theo là một số các loại phí bao gồm phí thiết lập, phí cam kết hoặc phí hạn mức chưa dùng.

- Thấu chi là cơ chế trợ vốn linh hoạt vì một khi hạn mức tín dụng thấu chi được thiết lập với ngân hàng, doanh nghiệp có thể ký phát séc đáp ứng yêu cầu hoạt động hàng ngày mà không phải tham khảo ý kiến của ngân hàng.

- Ngân hàng kỳ vọng cơ chế thấu chi mang tính dao động hoàn toàn; điều này có nghĩa là khi doanh nghiệp có được luồng tiền chảy vào, dư nợ sẽ được giảm thiểu hoặc thậm chí dư có.

**Ưu điểm:** Đối với loại hình này rất linh hoạt và chủ động

**Nhược điểm:** ngắn hạn, phải bỏ chi phí ( hạn mức, lãi suất cao ..), qui mô không lớn, chịu sự ràng buộc với ngân hàng

### ***Vốn ứng trước:***

Các khoản ứng trước là các khoản vay ngắn hạn, thường có kỳ hạn 6 tháng. Mục tiêu của cơ chế này là khắc phục tình trạng không sử dụng hết thấu chi. Khi ứng trước được cấp, người vay được phép rút toàn bộ số tiền và hoàn trả lãi và gốc vào cuối kỳ hạn 6 tháng. Sau đó có thể được quay vòng nếu người vay cảm thấy cần thiết. Thông thường, cơ chế này được thực hiện trên thị trường quốc tế hoặc thị trường ngoại tệ và việc rút tiền có thể bằng một đồng tiền hoặc bằng một rổ tiền tệ.

### ***Đặc điểm:***

- lãi suất : Vay theo món

- Chi phí khác: linh hoạt kém, chi phí ít
- Qui mô: lớn hơn hình thức thấu chi
- Thủ tục: Phức tạp
- Ràng buộc: ít hơn

**Thương phiếu/Hối phiếu được ngân hàng chấp nhận** – là các công cụ chiết khấu, phương tiện quay vòng, (đôi khi ngắn hạn có thể thành dài hạn do quay vòng), phản ánh mức lãi suất hiện thời, thị trường sơ cấp năng động và có tính thanh khoản, các khoản nợ phát sinh theo trật tự sắp xếp tổ chức chấp nhận, tổ chức ký phát và tổ chức ký hậu. Rất có ích vì ngân hàng nói chung không phải là các người tài trợ và do đó có thể dễ dàng hơn để có được sự hỗ trợ to lớn hơn từ phía ngân hàng.

Hối phiếu được ngân hàng chấp nhận như một chứng từ nợ có hai người đứng tên và bảo đảm khả năng thanh toán

#### **Đặc điểm:**

- Thứ tự trách nhiệm pháp lý với khoản nợ
- Mặc dù là khoản nợ ngắn hạn và thường không vượt quá 180 ngày nhưng nếu tính cả thời gian hoãn trả cho phép, nó có thể trở thành công cụ trợ vốn trung hạn.
- Lãi suất: Giấy nhận nợ được đem đi chiết khấu, mua bán
- Chi phí khác: được pháp luật bảo hộ, tuy nhiên sau này phát triển có rủi ro về thanh toán
- Thủ tục: Tính linh hoạt cao, có tính quay vòng, đơn giản
- Ràng buộc: Chủ yếu dựa vào uy tín

**Hối phiếu** – là công cụ chiết khấu ghi danh và trách nhiệm nợ liên quan thuộc về người ký phát, các đặc tính khác tương tự hối phiếu được ngân hàng chấp nhận.

**Thương phiếu (tín phiếu)** – là hối phiếu một tên, dựa trên tín nhiệm, khi người phát hành đủ mạnh về tài chính để cho người vay đầu tư vào loại hình thương phiếu này, các nhà đầu tư mua như một công cụ đầu tư tương lai, thường được các định chế tài chính bảo lãnh phát hành để huy động vốn lớn.

#### **Đặc điểm:**

- Trách nhiệm pháp lý chỉ thuộc về người phát hành

- Trên quy mô lớn được biết đến là hình thức phát hành tín phiếu khi việc phát hành được cấu trúc và các ngân hàng bảo lãnh.
- Chi phí cao: chi phí bảo lãnh và phát hành
- Thủ tục: phức tạp
- Ràng buộc nhiều
- Thời gian: dài thường từ 1 năm trở lên

**Ngoài ra còn có các hình thức sau:**

*Nợ vay liên công ty* – là các khoản nợ vay, thường rất ngắn hạn giữa các công ty có định mức tín nhiệm cao.

**Đối với doanh nghiệp là ngân hàng:**

*Thị trường liên ngân hàng* – đi vay và cho vay giữa các ngân hàng nhằm khắc phục những thiếu hụt tạm thời. Lãi suất liên ngân hàng giữa một số ngân hàng chủ chốt thường được coi là lãi suất tham khảo ví dụ như LIBOR, SIBOR

*Công cụ tiền gửi có thể chuyển nhượng (NCD)*: là chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, là công cụ chiết khấu do ngân hàng phát hành để huy động vốn ngắn hạn. Ngày nay, đây là công cụ then chốt cho các ngân hàng trong nghiệp vụ quản lý tài sản nợ, ngược với quản lý tài sản có.

Dựa vào các hình thức trên, có thể đưa ra các quyết định huy động vốn ngắn hạn bằng hình thức nợ vay hay vốn cổ phần:

- Nợ rẻ hơn vốn cổ phần vì khoản trả lãi suất là chi phí và làm giảm lợi nhuận của công ty, do đó công ty phải chịu ít thuế hơn.
- Nợ yêu cầu phải hoàn trả gốc và thường xuyên trả lãi. Vốn cổ phần không đòi hỏi công ty phải thanh toán bất kỳ khoản gì trừ cổ tức theo kỳ vọng của cổ đông. Không có cam kết gì liên quan đến việc thanh toán.
- Vốn cổ phần không có ngày đáo hạn. Nợ có ngày đáo hạn cố định.
- Tăng vốn cổ phần có thể gây loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) nếu vốn cổ phần tăng mà không làm thu nhập tăng theo tỷ lệ thuận. Kỳ vọng của cổ đông cần được đáp ứng nếu muốn tiếp tục giữ họ làm cổ đông.

Có 4 mức xác định thường thấy và trên thực tế liên quan đến 4 tiêu chí chính.

- Tỷ lệ được lấy làm tiêu chuẩn trong ngành mà công ty hoạt động và công ty áp dụng một tỷ lệ gần giống tỷ lệ tiêu chuẩn đó và điều này làm cho cổ đông và người cho vay thỏa mãn với kết quả hoạt động của công ty.
- Tỷ lệ vốn vay trong lịch sử của công ty và cổ đông thỏa mãn với hoạt động của công ty qua các năm.
- Tỷ lệ do ngân hàng/người cho vay đưa ra. Ngân hàng chỉ cho vay khi tỷ lệ này của công ty không vượt quá một mức nhất định. Đây thường là ràng buộc trong các tài liệu cho vay và công ty không có tiếng nói gì về tỷ lệ này.
- Phù hợp nhất là quyết định của ban quản trị về khả năng trả nợ của công ty, tức khả năng hoàn trả gốc và thanh toán lãi đúng hạn. Hay nói cách khác, tỷ lệ thích hợp là tỷ lệ mà ở đó công ty có thể vay và hoạt động mà vẫn có thể thanh toán nợ và lãi đúng hạn.

**Tóm lại:** Mỗi loại hình huy động vốn ngắn hạn đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định, bạn phải tùy vào tình hình kinh doanh thực tế của doanh nghiệp mà đưa ra những quyết định sáng suốt cho việc lựa chọn các kênh huy động vốn.

**1b) Bạn sẽ làm gì nếu bạn đang có vị thế dư thừa vốn ngắn hạn tạm thời? những công cụ tài chính nào có thể sử dụng trên thị trường tài chính phát triển để quản lý vốn hiệu quả? Nêu các tính chất của mỗi công cụ, bao gồm cả các lợi thế và bất lợi tương ứng.**

Thị trường tài chính luôn luôn đổi mới trong việc đưa ra các lựa chọn đa dạng các công cụ ngắn hạn, dài hạn và phái sinh nhằm đáp ứng nhu cầu to lớn của doanh nghiệp, với cương vị là Giám đốc tài chính, luôn phải tham gia vào cả thị trường tiền tệ và thị trường vốn trong nước cũng như quốc tế, việc quyết định đầu tư hợp lý khi ở vị thế dư thừa vốn đáp ứng mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận là điều không phải dễ dàng.

Trên thị trường tài chính, để quản lý vốn hiệu quả với vị thế dư thừa vốn ngắn hạn tạm thời, người ta thường **đầu tư** thông qua các công cụ tài chính sau:



**1. Tín phiếu kho bạc:** Là một công cụ tài chính rất phổ biến trong thị trường tài chính, đây là một loại hình đầu tư hấp dẫn và an toàn, nếu các nhà đầu tư có thể hiểu được cách đánh giá giá trị của chúng.

**Tính chất:** Tín phiếu kho bạc là loại giấy nợ do chính phủ phát hành có kỳ hạn dưới 1 năm, để bù đắp thiếu hụt tạm thời của Ngân sách nhà nước và là một công cụ quan trọng để Ngân hàng trung ương điều hành chính sách tiền tệ. Tín phiếu kho bạc thường có kỳ hạn 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng với một hay nhiều mức mệnh giá, tín phiếu kho bạc thường được coi là không có rủi ro tín dụng (rủi ro phá sản) với lãi suất thấp, tính thanh khoản cao, dễ dàng mua bán chuyển đổi.

Đối với các ngân hàng có thể chiết khấu, thế chấp đối với Ngân hàng nhà nước

Đối với các doanh nghiệp: đem thế chấp để vay vốn

Tại Việt Nam, tín phiếu kho bạc do Bộ Tài chính phát hành.

## **2. Mua chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng: ( Certificate of deposit - CDs)**

Là công cụ vay nợ do ngân hàng phát hành nhằm huy động vốn trên thị trường với bản chất tương tự như một khoản tiền gửi có kỳ hạn. Trong đó xác nhận nghĩa vụ trả nợ một khoản tiền trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết khác giữa tổ chức tín dụng và người mua.

Tùy theo từng đợt phát hành, chứng chỉ tiền gửi có thời hạn là ngắn hạn, trung hạn hay dài hạn. Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn có thời hạn thường là 1,3,6,9 tháng hoặc 364 ngày. Chứng chỉ tiền gửi dài hạn có thời hạn từ 1 đến 5 năm.

**Tính chất:** Chứng chỉ tiền gửi là một công cụ huy động vốn mới so với huy động tiền gửi tiết kiệm vốn đã quen thuộc từ lâu, chứng chỉ tiền gửi (thường là ngắn hạn) chỉ được ngân hàng phát hành theo từng đợt, một đợt kéo dài khoảng 2 tháng, do nhu cầu vốn đặc biệt của ngân hàng hay do nhu cầu cạnh tranh vốn giữa các ngân hàng với nhau.

Do đó trong mỗi đợt phát hành chứng chỉ tiền gửi, để thu hút được sự chú ý của khách hàng cũng như tăng thêm tính hấp dẫn của CDs, nâng cao hiệu quả của đợt phát hành, các ngân hàng thường phát hành chứng chỉ tiền gửi kèm với một số ưu đãi cũng như lợi ích hơn hẳn so với tiền gửi tiết kiệm như sau:

- Lãi suất hấp dẫn: Lãi suất chứng chỉ tiền gửi thường cao hơn lãi suất tiền gửi tiết kiệm có cùng kỳ hạn.

VD: Chứng chỉ tiền gửi dài hạn của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV phát hành đợt I/2009 có lãi suất đối với các chứng chỉ trên 1 năm là 8,2-8,6%/năm; trong khi đó lãi suất tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng này tại cùng thời điểm với cùng kỳ hạn là 7,8-8,4%/năm.

**Hạn chế:** chứng chỉ tiền gửi sẽ được Ngân hàng lên kế hoạch sử dụng theo thời hạn đã định. Do đó nếu khách hàng có nhu cầu về vốn khi chứng chỉ tiền gửi chưa đáo hạn thì:

- hoặc khách hàng phải cầm cố “giấy tờ có giá” này để vay vốn và tất nhiên, lãi suất cho vay lại sẽ cao hơn lãi suất mà ngân hàng trả cho người mua. Như vậy, lợi tức cao của giấy tờ có giá sẽ giảm đi rất nhiều nếu khách hàng thực hiện việc “cầm cố”.
- hoặc nếu ngân hàng cho phép thì khách hàng được quyền thanh toán trước hạn với lãi suất bị giảm đi đáng kể.

VD: BIDV, đợt phát hành chứng chỉ tiền gửi đợt II/2009, cho phép người mua được thanh toán trước hạn với lãi suất rút trước hạn căn cứ thời gian thực gửi như sau:

Thời gian nắm giữ CCTG (T)	Lãi suất áp dụng (%/năm)
T < 1 tháng	Lãi suất không kỳ hạn
1 tháng ≤ T < 3 tháng	45% lãi suất cam kết
3 tháng ≤ T < 6 tháng	50% lãi suất cam kết
6 tháng ≤ T < 9 tháng	60% lãi suất cam kết
9 tháng ≤ T < 364 ngày	70% lãi suất cam kết

### 3. Gửi tiền ngân hàng có kỳ hạn:

Là hình thức ngân hàng nhận tiền gửi của khách hàng. Sau khi hết kỳ hạn, ngân hàng có nghĩa vụ trả cho khách hàng tiền gốc và tiền lãi (tiền lãi này tương ứng với thời hạn gửi)

**Ưu điểm:** Lãi suất không thay đổi trong suốt thời gian gửi

- Các mức lãi suất thay đổi theo từng thời hạn gửi: 1,3, 6 tháng...
- Luôn là hình thức tiết kiệm an toàn

Có thể nói tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn là một nguồn vốn bảo đảm thường xuyên của ngân hàng, người tiết kiệm có thể gửi tiền vào ngân hàng vào bất kỳ thời điểm nào trong năm.

**Ngoài các công cụ trên, còn có thể sử dụng thêm các công cụ như:**

- **Mua tín phiếu của các doanh nghiệp khác:** Lợi nhuận cao nhưng rủi ro cũng cao do tính thanh khoản phụ thuộc vào việc sản xuất kinh doanh của công ty phát hành trái phiếu.
- **Cho vay liên công ty:** Phụ thuộc vào quan hệ với đối tác cùng hùn vốn đầu tư vào các dự án như bất động sản, quỹ đầu tư tài chính... tuy nhiên công cụ này cũng mang tính rủi ro cao khi phụ thuộc vào thị trường, tính thanh khoản kém do quá trình đầu tư thường kéo dài.
- **Đầu tư tài chính ngắn hạn:** thông qua cổ phiếu, vàng, ngoại tệ, cho vay nóng...: các công cụ này đều có tính thanh khoản kém, tương đối nguy hiểm

### **Tóm lại:**

Với vị thế đang dư thừa vốn ngắn hạn tạm thời, bạn có thể sử dụng các công cụ tài chính để đầu tư một cách khôn ngoan và hiệu quả nhất, tuy nhiên phải cân nhắc về thời gian và hiệu suất sử dụng vốn vì nguồn vốn của mình chỉ là tạm thời.

**1c) Trong bối cảnh Thị trường tài chính Việt Nam, hãy bình luận khả năng sẵn sàng sử dụng các công cụ này, bạn thích sử dụng những công cụ nào và tại sao. Liệu có sự khác biệt đáng kể nào về dịch vụ của ngân hàng trong nước và ngân hàng liên doanh với nước ngoài hay chi nhánh ngân hàng nước ngoài hay không? Nếu có, hãy bình luận sự khác biệt này.**

**Bình luận:** Với vị thế thành viên chính thức WTO cùng các nỗ lực hội nhập, nền kinh tế Việt Nam đã là một phần của kinh tế khu vực và thế giới. Rất nhiều cơ hội và hẳn nhiên, từng biến động của môi trường kinh tế và kinh doanh quốc tế sẽ tạo ra ảnh hưởng tại Việt Nam.

Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển và hội nhập nhanh như hiện nay cũng đang đặt ra những thách thức. Đó là nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc nhiều vào biến động của nền kinh tế thế giới như những diễn biến về giá cả các nguyên liệu, những bất ổn của chính trị thế giới và những biến động của thị trường tài chính thế giới. Điều đó đòi hỏi Việt Nam phải sẵn sàng thích ứng với một bối cảnh như vậy.

Trong nước, với tốc độ phát triển kinh tế và thị trường tài chính tăng nhanh, đương nhiên tiềm ẩn rủi ro. Đó là những vấn đề về hệ thống pháp lí chưa đồng bộ, nguồn nhân lực, tính

cạnh tranh và quản trị của doanh nghiệp đang tiếp tục phải trải qua giai đoạn thay đổi. Nhìn nhận những thách thức nhưng đó cũng là động lực để thúc đẩy nền kinh tế cũng như bản thân các nhà đầu tư, các doanh nghiệp cũng như Chính phủ. Để sử dụng tốt các công cụ tài chính làm đòn bẩy cho thị trường trong việc phát triển doanh nghiệp cũng như thúc đẩy nền kinh tế, chúng ta phải sớm hoàn thiện những vấn đề trên

**Về hệ thống pháp lý:** Chính phủ đang làm việc chặt chẽ với các cơ quan chức năng để đưa ra được các chính sách tốt, có các chế tài đầy đủ đảm bảo việc giám sát thị trường, tính ổn định, nhất quán và minh bạch.

**Về nguồn nhân lực:** Nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức tài chính nói chung – và nhân lực hoạt động trong lĩnh vực tài chính nói riêng đang là vấn đề được xã hội quan tâm. Do hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh giữa các quốc gia, giữa các tổ chức tài chính ngày càng gay gắt với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Thực trạng này, các tổ chức tài chính – ngân hàng Việt nam vẫn còn nhiều khó khăn về công nghệ, trình độ quản lý, năng lực tài chính và nguồn nhân lực có chất lượng cao. Với chiến lược mở rộng thị trường, các tổ chức tài chính – ngân hàng nước ngoài vào Việt Nam mang theo rất nhiều cái mới: Tư duy mới; công nghệ mới; sản phẩm, dịch vụ mới và trình độ quản lý hiện đại...điều này đòi hỏi nguồn nhân lực tài chính Việt Nam phải có đào tạo chuyên sâu và các kỹ năng mềm để đáp ứng các yêu cầu đó.

**Về công nghệ, dịch vụ, sản phẩm:** Với một ví dụ nhỏ: Tại sân bay quốc tế Nội Bài, ông Francis Hau, một du khách nước ngoài, có nhu cầu rút tiền từ máy rút tiền tự động (ATM). Nhưng ở đây lại có tới cả chục chiếc máy ATM khác nhau của các ngân hàng trong nước và nước ngoài. Cuối cùng ông chọn một chiếc máy do một ngân hàng nước ngoài lắp đặt. Bởi, ông cho rằng các tổ chức tài chính nước ngoài khi vào Việt Nam sẽ mang theo dịch vụ tài chính nhiều tiện ích.

Từ thực tế nói trên, các tổ chức tài chính và ngân hàng trong nước không còn cách nào khác là phải chạy đua ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để nâng cao chất lượng dịch vụ mới mong thu hút được khách hàng. Điều này làm cho quá trình chuyển đổi ứng dụng CNTT trong các tổ chức này tại Việt Nam hiện đang diễn ra khá mạnh.

**Với những công cụ tài chính trên, tôi thấy việc sử dụng công cụ thấu chi** để huy động vốn ngắn hạn là hình thức ưu việt nhất, mặc dù hình thức này có những hạn chế nhất định như lãi suất cho vay cao.... nhưng trên hết nó mang lại các lợi ích sau mà cả đối tượng cho vay và đi vay đều thỏa mãn:

- Là hình thức thông dụng, dễ sử dụng đối với các doanh nghiệp có nhu cầu huy động vốn trong thời gian ngắn và đột xuất
- Tính thanh khoản linh hoạt cho cả đối tượng đi vay và cho vay

Trong bối cảnh hiện nay, giữa các ngân hàng trong nước và ngân hàng nước ngoài hay các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam luôn có sự khác biệt đáng kể về chất lượng dịch vụ cũng như sự đa dạng về sản phẩm.

So sánh:

	NH trong nước	100% NH nước ngoài	NH liên doanh
Loại hình	Nhiều hơn	Ít hơn	Ít hơn
Sản phẩm	Nghèo nàn	Qui định của pháp luật có nhiều sản phẩm mới, sáng tạo, cấp cao	ít
Chất lượng	Kém	Tốt nhất	Trung bình
Qui mô	Vừa	Lớn	Nhỏ
Chi phí	Lớn	Lớn	Nhỏ
Mạng lưới	Rộng, nhiều, tiếp cận dễ dàng	Nhiều hơn liên doanh	Ít
Tính chất	Tín dụng truyền thống	Dịch vụ, phát triển bán lẻ, thanh toán, bảo lãnh	Giao dịch ngoại thương, thương mại, đối tác

Trong môi trường cạnh tranh, ngoài việc đưa ra những sản phẩm mới, các ngân hàng còn cần chú ý đến việc nâng cao sự hài lòng của khách hàng qua việc cung cấp các dịch vụ tiện ích. Chất lượng dịch vụ sẽ là yếu tố quan trọng nhất trong sự tồn tại và phát triển của từng ngân hàng. Hiện mới chỉ có một số ít ngân hàng có trung tâm hỗ trợ khách hàng thường xuyên liên tục cả ngày trong tuần.

Tại Việt Nam, năm 2004 mới chỉ có ba ngân hàng tham gia Internet Banking với lượng giao dịch trực tuyến mỗi ngày chỉ khoảng 2 triệu cuộc. Hiện nay, đã có 17 ngân hàng tham gia hoạt động này với 4,5 triệu giao dịch mỗi ngày.

Với việc giới thiệu F@st i-Bank vào giao dịch, Techcombank trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên của Việt Nam cung cấp khá đầy đủ dịch vụ thanh toán qua Internet ra thị trường. Trong khi đó một số ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đã cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử từ lâu như: Citibank, HSBC, Deutsche Bank, ANZ Bank .... Do đó, không có gì ngạc nhiên khi Ông Thomas Tobin, Tổng giám đốc HSBC Việt Nam cho hay, HSBC thu được lợi nhuận ở mọi lĩnh vực kinh doanh, từ dịch vụ tài chính doanh nghiệp, kinh doanh vốn và thị trường ngoại hối, nghiệp vụ ngân hàng toàn cầu, thanh toán quốc tế... Chỉ trong 1 năm, HSBC đã mở rộng mạng lưới lên 10 điểm giao dịch và 146 máy ATM.

Theo khảo sát, hầu hết nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam hoạt động đều chọn các ngân hàng nước ngoài tên tuổi như HSBC, ANZ, Citi, Standard Chartered Bank hay Deutsche Bank để mở tài khoản.

### **Tóm lại:**

Một hệ thống ngân hàng hữu hiệu sẽ trở thành kênh dẫn nhập vốn quan trọng và hàng đầu đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn và cung ứng sản phẩm cho nền kinh tế, để đạt đến thành công của công nghiệp hoá và hiện đại hóa. Muốn thế, cần phải có sự phối hợp đồng bộ của tất cả các ban ngành và sự ủng hộ của doanh nghiệp cũng như người dân.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình tài chính doanh nghiệp, Học viện tài chính, NXB tài chính, PGS.TS Nguyễn Đình Kiệt, TS. Bạch Đức Hiền, 2008
2. Cẩm nang hoạt động tài chính vi mô, Nxb Lao động Xã hội, Joanna Ledgerwood, 2009
3. Tài chính quốc tế, NXB ĐHQGHN, GS.TS Phan Thị Cúc, 2008
4. Tài chính doanh nghiệp, NXB tài chính, TS Bùi Hữu Phước, 2009

5. Giáo trình tài chính – tiền tệ, ngân hàng, NXB thống kê, PGS.TS Nguyễn Văn Tiến, 2009
8. Thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam, Tạp chí Ngân hàng số 13- 2006, TS. Trần Minh Ngọc, ThS. Phan Thuý Nga.